TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HS-PT
Ngày: 05 – 6 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Ông Nguyễn Hồng Thanh

Thư ký phiên toà: Ông Võ Văn Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Các bị cáo có kháng cáo

1/ **ĐINH THỊ TUYẾT L,** sinh năm 1985 tại PH, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp TQR, xã TB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Đ và bà Châu Thị P; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Vào ngày 18/3/2015, bị Công an xã TB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 19/3/2015. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ **LA VĂN M,** sinh năm 1994 tại PH, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp TQR, xã TB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông La Văn L và bà Đinh Thị S; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/01/2017, do nghi vấn Đinh Thị Tuyết L có biểu hiện ghi bán số đề tại quán cà phê Bảo Trân thuộc ấp HP B, thị trấn KC, huyện PH, nên lực lượng Công an huyện PH kết hợp với phòng PC45 Công an tỉnh Hậu Giang tiến hành mời L cùng các đối tượng liên quan là Trần Thanh Đời và La Văn M về trụ sở Công an thị trấn KC, huyện PH để làm việc. Kết quả đã thu giữ trên người các đối tượng những tang vật gồm: Thu giữ của Đinh Thị Tuyết L 24.189.000 đồng tiền Việt Nam, 02 quyển tập học sinh có ghi nhiều chữ số bằng mực màu xanh và màu đỏ, 01 giấy cầm đồ của tiệm vàng NT, 03 cây bút mực màu xanh, 01 cây bút xóa, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen cùng 02 sim điện thoại; thu giữ của La Văn M 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu vàng và 01 sim điện thoại số 0939.584.184.

Quá trình điều tra, Đinh Thị Tuyết L khai nhận: Đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề từ khoảng tháng 01 năm 2016 cho đến ngày 24 tháng 01 năm 2017 thì bị phát hiện. Hằng ngày L bán số đề cho các đối tượng mua số đề thông qua điện thoại di động hoặc mua bán trực tiếp, trước khi xổ số L tự cộng phơi đề, tự ôm phơi và trực tiếp ăn thua với các đối tượng mua số đề. Trung bình mỗi ngày L bán số đề cho khoảng 06 đến 10 đối tượng và thu số tiền khoảng từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Hình thức đánh bạc là ghi bán số đầu, số đuôi và bao lô 02 con số và 03 con số; hình thức thắng thua là 01 thắng 70 lần đối với số đầu, số đuôi và bao lô 02 con số, 01 thắng 600 lần đối với bao lô 03 con số; kết quả thắng thua dựa trên kết quả xổ số hàng ngày của đài chính các tỉnh Miền Nam và đài Hà Nội. Trung bình mỗi ngày L thu lợi bất chính số tiền 300.000 đồng.

Kết quả điều tra đã chứng minh được hành vi đánh bạc của Đinh Thị Tuyết L và La Văn M trong các ngày 21, 22 và 23/01/2017 như sau:

- Ngày 21/01/2017, L bán số đề cho M gồm: Đài Hậu Giang: Bao lô 01 con số (số 01 và số 10), mỗi số 100.000đ, tổng cộng là 2.600.000đ, kết quả không trúng; đài Hà Nội: Bao lô hai con số (số 35), mỗi số là 200.000đ, tổng cộng là 4.000.000đ, kết quả M trúng 02 lô với số tiền là 28.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 21/01/2017 đối với L và M là: 2.600.000đ + 4.000.000đ + 28.000.000đ = 34.600.000đ.

- Ngày 22/01/2017, L ghi bán số đề cho M gồm: Đài Kiên Giang: Bao lô 02 con số (số 32, 72, 73), mỗi số là 50.000đ, tổng số tiền là 1.950.000đ, kết quả không trúng; đài Hà Nội: Bao lô hai con số (số 45), mỗi số là 100.000đ, tổng cộng là 2.000.000đ, kết quả không trúng. Tổng số đánh bạc trong ngày 22/01/2017 đối với L và M là 1.950.000đ + 2.000.000đ = 3.950.000đ.

- Ngày 23/01/2017, L ghi bán số đề đài Đồng Tháp cho 06 đối tượng gồm: La Văn M với số tiền 2.920.000đ, Nguyễn Thị M1 với số tiền 260.000đ, chị L với số tiền 910.000đ, dì Hai Ng số tiền 780.000đ, Kh số tiền 7.665.000đ, kết quả La Văn M trúng 14.000.000đ, Kh trúng 2.800.000đ; ghi bán số đề đài Hà Nội cho 07 đối tượng gồm: Đinh Văn E số tiền 200.000đ, La Văn M số tiền 4.000.000đ, Nguyễn Thị M1 số tiền 200.000đ, chị Lộc số tiền 200.000đ, dì Hai Ng với số tiền 200.000đ, Kh với số tiền 2.430.000đ, Huỳnh Thị Ph số tiền 600.000đ, tổng cộng là 7.830.000đ, kết quả: Khanh trúng 3.990.000đ, Đinh Văn E trúng 3.350.000đ, Nguyễn Thị M1 và dì Hai Ng cộng lại trúng 1.400.000đ nhưng không xác định được là trúng đài nào. Tổng số tiền đánh bạc L trong ngày 23/01/2017 là: 7.665.000đ + 7.830.000đ + 14.000.000đ + 2.800.000đ + 3.990.000đ + 3.350.000đ + 1.400.000đ =41.035.000đ; tổng số tiền M đánh bạc trong ngày 23/01/2017 là 2.920.000đ + 4.000.000đ + 14.000.000đ = 20.920.000 đồng.

Đối với các đối tượng: Trần Thanh Đ, Nguyễn Thị M1, Huỳnh Thị Ph và Lê Vũ Kh tham gia đánh bạc bằng hình thức mua số đề, nhưng không chứng minh được hành vi phạm tội và không đủ định lượng nên Cơ quan điều tra không khởi tố, đồng thời đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các đối tượng này.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào các khoản 1,3 Điều 248; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Tuyết L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo bằng hình thức phạt tiền là 7.000.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo La Văn M 03 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo bằng hình thức phạt tiền là 5.000.000đ, buộc bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính là 24.530.000đ sung vào công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 03 cây bút mực màu xanh và 01 cây bút xóa. Giao trả cho bị cáo Đinh Thị Tuyết L số tiền 24.189.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và 02 sim điện thoại số 0939.110.228, 0939.730.925; giao trả cho bị cáo La Văn M 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu vàng và 01 sim điện thoại số 0939.584.184; giao trả cho anh Trần Thanh Đ 01 điện thoại di động hiệu Sony màn hình cảm ứng màu đen.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 03/01/2018, các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M kháng cáo xin cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M. Về xử lý vật chứng, cấp sơ thẩm giao trả cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và 02 sim điện thoại số 0939.110.228, 0939.730.925; giao trả cho bị cáo La Văn M 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu vàng và 01 sim điện thoại số 0939.584.184 là không đúng quy định, đề nghị sửa phần xử lý vật chứng theo hướng tịch thu hai điện thoại di động và sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bị cáo cho rằng có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bị cáo L cho rằng phải nuôi hai con còn nhỏ, bị cáo M cho rằng phải nuôi bà ngoại đã già yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M có đơn kháng cáo, xét đơn kháng cáo của các bị cáo có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện theo nội dung của cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở xác định: Bị cáo Đinh Thị Tuyết L lợi dụng vào hoạt động xổ số kiến thiết của

Nhà nước để thực hiện việc mua bán số đề cho nhiều đối tượng, từ khoảng tháng 01 năm 2016 cho đến ngày 24/01/2017 thì bị phát hiện. Bằng hình thức mua bán trực tiếp hoặc thông qua điện thoại di động, trước khi xổ số bị cáo L tự cộng phơi đề, tự ôm phơi và trực tiếp ăn thua với các đối tượng mua số đề. Trung bình mỗi ngày bị cáo L bán số đề cho khoảng 06 đến 10 đối tượng và thu số tiền khoảng từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Hình thức đánh bạc là ghi bán số đầu, số đuôi và bao lô 02 con số và 03 con số; hình thức thắng thua là 01 thắng 70 lần đối với số đầu, số đuôi và bao lô 02 con số, 01 thắng 600 lần đối với bao lô 03 con số; kết quả thắng thua dựa trên kết quả xổ số hàng ngày của đài chính các tỉnh Miền nam và đài Hà Nội. Trung bình mỗi ngày L thu lợi bất chính số tiền 300.000 đồng. Trong 03 lần đánh bạc, bị cáo L đã tham gia với số tiền cụ thể: Ngày 21/01/2017 với số tiền là 34.600.000 đồng, ngày 22/01/2017 với số tiền 3.950.000 đồng, ngày 23/01/2017 với số tiền 41.035.000 đồng. Đối với bị cáo La Văn M tham gia đánh bạc 03 lần cụ thể: Ngày 21/01/2017 với số tiền là 34.600.000 đồng, ngày 22/01/2017 với số tiền 3.950.000 đồng, ngày 23/01/2017 với số tiền 20.920.000 đồng. Do vậy, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M về tội Đánh bạc theo Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi là vi phạm pháp luật nhưng nhằm muốn thu lợi bất chính các bị cáo bất chấp quy định của pháp luật thực hiện đánh bạc nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly các bị cáo ra đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo có người thân có công với Nhà nước, riêng bị cáo M có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự theo quy định tại Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xử phạt bị cáo L 6 (Sáu) tháng tù và bị cáo M 3 (Ba) tháng tù là nhẹ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo L có 01 tình tiết giảm nhẹ ở Điểm p Khoản 1 và 01 tình tiết ở Khoản 2 Điều 46, bị cáo M thì có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ ở Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, cả hai bị cáo đều có 01 tình tiết tăng nặng quy định ở điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đồng thời, căn cứ theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo có cung cấp các biên lai về nộp tiền án phí và hình phạt bổ sung. Xét thấy, đây là nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện theo bản án sơ thẩm nên không được xem là tình tiết mới để xem xét cho các bị cáo.

[4] Đối với phần xử lý vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và 02 sim điện thoại số 0939.110.228, 0939.730.925 của bị cáo L thực hiện việc nhắn tin, điện thoại để mua bán số đề; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu vàng và 01 sim điện thoại số 0939.584.184 của bị cáo M thực hiện việc mua số đề với bị cáo L. Đây là công cụ, phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng cấp sơ thẩm tuyên trả cho các bị cáo là không phù hợp theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần vật chứng là tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của bị cáo L và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu vàng của bị cáo M; tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 0939.110.228, 0939.730.925 của bị cáo L và 01 sim điện thoại số 0939.584.184 của bị cáo M.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng không cung cấp được tình tiết nào mới khác để xem xét nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M, sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng.

[6] Đối với số tiền phạt bổ sung bị cáo L đã nộp 7.000.000 đồng theo biên lai số 0006026 ngày 22/3/2018 và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0006028 ngày 22/3/2018; đối với bị cáo M đã nộp 5.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai số 0006027 ngày 22/3/2018 và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0006029 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang sẽ được xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điểm d Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M. Sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng.

Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M phạm "Tội đánh bạc".

Áp dụng: Khoản 1,3 Điều 248; Điều 33; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Tuyết L 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo La Văn M 03 (Ba) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Đối với số tiền phạt bổ sung bị cáo L đã nộp 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) theo biên lai số 0006026 ngày 22/3/2018 và 200.000 đồng (Hai trăm nghin đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0006028 ngày 22/3/2018; đối với bị cáo M đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền phạt bổ sung theo biên lai số 0006027 ngày 22/3/2018 và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0006029 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang sẽ được xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Giao trả cho bị cáo Đinh Thị Tuyết L số tiền 24.189.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng) và trả cho anh Trần Thanh Đời 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sony màn hình cảm ứng màu đen

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của bị cáo L và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu vàng của bị cáo M.

Tịch thu tiêu hủy 03 (Ba) cây bút mực màu xanh; 01 (Một) cây bút xóa; 02 (Hai) sim điện thoại số 0939.110.228, 0939.730.925 của bị cáo L; 01 (một) sim điện thoại số 0939.584.184 của bị cáo M.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đinh Thị Tuyết L và La Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo (1b);
- Công an xã nơi bị cáo cư trú (1b);
- Công an huyện PH (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (3b);
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (1b);
- PV27 – Công an tỉnh Hậu Giang (1b);
- PC81 – Công an tỉnh Hậu Giang (1b)
- VKSND huyện PH (1b);
- Chi cục THADS huyện PH (1b);
- TAND huyện PH (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b);
- Lưu THS (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồ Tâm Tú